**Tiết 26-27**

**Ngày: 27/10/2017**

**CHỦ ĐỀ : CA DAO**

**BƯỚC 1: Xác định vấn đề cần giải quyết trong bài học**

Kĩ năng đọc hiểu ca dao

**BƯỚC 2: Xây dựng nội dung**

Gồm các văn bản: Ca dao than thân yêu thương tình nghĩa, ca dao hài hước.

Tích hợp các bài: Thực hành phép tu từ ẩn dụ, hoán dụ; Trình bày một vấn đề

**BƯỚC 3: Xác định mục tiêu bài học**

***1.Kiến thức***:

-Giúp HS hiểu và cảm nhận tiếng hát than thân và tiếng hát yêu thương tình nghĩa của người bình dân trong xã hội phong kiến xưa qua nghệ thuật riêng đậm màu sắc dân gian của ca dao.

-Cảm nhận tiếng cười lạc quan trong ca dao qua nghệ thuật trào lộng thông minh, hóm hỉnh

của người bình dân cho dù cuộc sống của họ còn nhiều vất vả lo toan.

***2. Kĩ năng:***

**-** Hình thành và rèn luyện kĩ năng đọc – hiểu một bài ca dao theo đặc trưng thể loại.

- Thông qua dấu hiệu các biện pháp tu từ trong từng văn bản ca dao, giúp học sinh nhận biết đặc trưng của phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

-Vận dụng những kiến thức và kĩ năng đã học để đọc – hiểu những bài ca dao khác không có trong sách giáo khoa.

***3. Thái độ.***

- Có thái độ trân trọng và yêu mến tâm hồn của người bình dân Việt Nam xưa.

- Có tình cảm yêu thích, ý thức tìm hiểu và giữ gìn kho tàng ca dao của dân tộc.

**Định hướng góp phần hình thành các năng lực:**

- Năng lực giao tiếp

-Năng lực thẩm mĩ

-Năng lực hợp tác

-Năng lực tự học

-Năng lực giải quyết vấn đề

**BƯỚC 4: Xác định và mô tả mức độ yêu cầu mỗi loại câu hỏi/bài tập cốt lõi có thể sử dụng để kiểm tra, đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh trong dạy học.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng thấp** | **Vận dụng cao** |
| ***I. Tìm hiểu chung*** |  |  |  |  |
| ***1. Khái niệm*** | Nêu thông tin về khái niệm thể loại | Hiểu được sự khác biệt giữa ca dao và dân ca |  |  |
| ***2. Nghệ thuật*** | - Nêu thông tin về đặc trưng nghệ thuật của ca dao | - Hiểu được đặc điểm cơ bản của thể thơ, cách diễn ý, ngôn ngữ,... | Vận dụng hiểu biết để lí giải nghệ thuật tác phẩm. | Từ đặc trưng nghệ thuật của ca dao tự xác định được hướng tiếp cận văn bản cùng thể tài, thể loại, đề tài. |
| ***3. Những nội dung chính*** | Nêu thông tin về những nội dung chính của ca dao | Hiểu được đặc điểm cơ bản của nội dung | Tìm những bài ca dao có chung cảm hứng về đề tài than thân yêu thương, tình nghĩa và hài hước. | . |
| ***II. Đọc – hiểu văn bản*** |  |  |  |  |
| ***1. Nội dung*** | -Xác định được chủ thể trữ tình trong các bài ca dao 1,4,6.  -Xác định được đối tượng của tiếng cười trong bài ca dao 1,2. | - Hiểu được tâm trạng, tình cảm của nhân vật trữ tình trong bài ca dao. -Hiểu được nội dung của tiếng cười trong các bài ca dao hài hước. | - Biết đánh giá tâm trạng, tình cảm của nhân vật trữ tình.  - Cảm nhận được ý nghĩa của tiếng cười và vẻ đẹp tâm hồn của nhân dân lao động trong ca dao hài hước.  -Khái quát hóa về đời sống tâm hồn của nhân dân lao động. | - Biết bình luận, đánh giá đúng đắn những ý kiến, nhận định về tác phẩm.  - Phân tích kết cấu một số bài ca dao có chung mô típ.  -Liên hệ thực tế để có nhận thức đúng đắn về mình và cuộc sống xung quanh(số phận con người, tình yêu thương, quan tâm, sẻ chia và cảm thông, phê phán cái xấu…) |
| ***2. Nghệ thuật*** | Phát hiện các chi tiết, biện pháp nghệ thuật đặc sắc (từ ngữ, biện pháp tu từ, hình ảnh, nhạc điệu,…) | Phân tích được ý nghĩa của các chi tiết nghệ thuật, biện pháp nghệ thuật … | Đánh giá giá trị nghệ thuật của tác phẩm. | - Khái quát giá trị, đóng góp của thể loại, các yế tố nghệ thuật.  - So sánh những đặc trưng nghệ thuật của ca dao và thơ.  - Tự phát hiện và đánh giá giá trị nghệ thuật của các bài ca dao tương tự trong chương trình. |

**BƯỚC 6: Thiết kế tiến trình dạy học**

**A. Mục tiêu cần đạt:**

***1. Kiến thức***

**-** Cảm nhận được nỗi niềm xót xa, cay đắng và tình cảm yêu thương thủy chung, đằm thắm ân tình của người bình dân trong xã hội phong kiến.

-Cảm nhận được tiếng cười lạc quan trong ca dao qua nghệ thuật trào lộng thông minh, hóm hỉnh cuả người bình dân.

- Đặc sắc nghệ thuật của ca dao: biện pháp tu từ, thể loại, hình ảnh, vần, nhịp điệu

***2. Kĩ năng***

- Đọc hiểu ca dao theo đặc trưng thể loại.

- Lắng nghe, hoạt động nhóm; quan sát tranh; trình bày vấn đề; tự nhận thức, tư duy phê phán; vận dụng hiểu biết thực tiễn, kiến thức bộ môn vào bài học.

***3. Thái độ***

- Đồng cảm với tâm tư người lao động, trân trọng vẻ đẹp tâm hồn và yêu quý những sáng tác của họ.

***-*** Thấy vai trò và vị thế của người phụ nữ trong xã hội mới, phát huy vẻ đẹp người phụ nữ VN truyền thống nhưng tránh thái độ than thân trách phận mà phải biết vượt lên khi gặp nghịch cảnh để làm chủ cuộc đời.

-Sống yêu đời, lạc quan.

**B.Phương pháp và phương tiện dạy học**

***1.Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thảo luận nhóm, thuyết giảng…

***2. Phương tiện dạy học***

**a. Chuẩn bị của GV:**

- Máy chiếu, giáo án Word, giáo án powerpoint.

- Một số tranh ảnh, âm nhạc cho từng văn bản.

- Kiến thức tìm hiểu để lồng ghép

+ Thực hành phép tu từ ẩn dụ và hoán dụ, Đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết (Tiếng Việt)

+ Khái quát văn học dân gian Việt Nam

+ Những câu hát về tình cảm gia đình (Ngữ văn 7)

- Kiến thức thực tiễn để lồng ghép: Thân phận, ý thức về bản thân của người phụ nữ; quan niệm tình yêu trong xã hội phong kiến và ngày nay.

***b. Chuẩn bị của HS***

-Sách giáo khoa, vở ghi bài, vở soạn

- Tìm thêm các câu ca dao khác cùng chủ đề than thân, yêu thương tình nghĩa, hài hước cùng mô típ mở đầu, các dị bản…

**C. Tiến trình dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1:. Hoạt động khởi động**  ***Cách 1:***  Ca hát là hình thức thổ lộ tâm tình quen thuộc của người bình dân Việt Nam ngày xưa. Rất nhiều hình thức ca hát đã trở thành những tập quán lâu đời, gắn liền với những sinh hoạt lao động, sinh hoạt gia đình và sinh hoạt cộng đồng.  **Cho Hs theo dõi 4 bức tranh về sinh hoạt ca hát cộng đồng của người bình dân Việt Nam ngày xưa.**  **images (2).jpgtải xuống.jpg**  *Hình 1 Hình 2*  **tải xuống (1).jpgtải xuống (2).jpg**  *Hình 3 Hình 4*  *Những hình ảnh trên gợi cho em nhớ đến những hình thức ca hát nào của người dân xưa?*  ***Dẫn vào bài:*** Từ những sinh hoạt ca hát trên, nhiều bài ca dao hay ra đời, diễn tả suy nghĩ, tâm trạng, tình cảm và cảm xúc của người bình dân xưa. Theo thời gian, như một cây đàn muôn điệu, ca dao đi sâu vào đời sống tâm hồn người dân Việt. Bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu những giá trị đặc sắc đó qua một số bài ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa và ca dao hài hước.  **Cách 2:** Cho Hs xem một đoạn clip hoặc nghe một bài hát ru con. (Hoặc giáo viên,học; sinh diễn xướng bài hát ru này)  Nội dung bài hát ru:  *À ơi…Chiều chiều chim vịt kêu chiều.*  *À ơi… bâng khuâng nhớ mẹ chín chiều ruột đau… à a ơi, à à ơi.*  *Cảm nhận của em về âm điệu, phần lời của bài hát ru?*  **Dẫn vào bài:**  *Trên đời này chỉ có ba bài hát Đủ nói hết buồn vui của thế giới tâm hồn. Hay hơn cả là bài ca thứ nhất,  Bà mẹ dịu dàng khẽ hát ru con.*  *(Raxun Gamzatop)*  Từ thưở nằm nôi, chúng ta đã được sống trong những lời ru ngọt ngào êm ái của bà, của mẹ, được nghe những làn điệu dân ca trữ tình sâu lắng. Những bài hát ru, những làn điệu dân ca ấy đều có phần lời là ca dao. Để hiểu hơn về ca dao, hiểu cuộc sống và vẻ đẹp tâm hồn của người bình dân xưa, hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu một số bài ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa và ca dao hài hước.  **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**  ***Hướng dẫn HS tìm hiểu phần tiểu dẫn.***  *Nhắc lại khái niệm ca dao? Phân biệt ca dao và dân ca?*  (Tích hợp kiến thức cũ: *Khái quát văn học dân gian Việt Nam; Những câu hát về tình cảm gia đình*)  *Ca dao được chia làm mấy loại? Đó là những loại nào?*  *Gv đưa ra ngữ liệu,yêu cầu hs chỉ ra những nội dung và nghệ thuật của bài ca dao? (Bài ca dao nói về vấn đề gì, thể thơ, ngôn ngữ, biện pháp nghệ thuật…)*  *Thân em như hạt mưa rào*  *Hạt rơi xuống giếng, hạt vào vườn hoa*  *Thân em như hạt mưa sa*  *Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày*  (Ngữ liệu bài *Văn bản*, Ngữ văn 10)  *Nêu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của ca dao?*  *Đọc một bài ca dao mà em biết?*  ***Hướng dẫn Hs tìm hiểu ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa***  GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm các bài ca dao.*Gv nhận xét cách đọc và yêu cầu Hs xác định chủ đề của các bài ca dao?*  *Bằng hiểu biết về thể loại trữ tình nói chung và ca dao nói riêng, em hãy đề xuất cách đọc hiểu các bài ca dao?*  Gv cho Hs đề xuất, trao đổi và chọn một cách đọc. Gv nhận xét và định hướng Hs tìm hiểu các bài 1,4,6.  ***Tìm hiểu bài ca dao số 1:***  *Xác định chủ thể của lời than?*  Gv gợi ý để Hs phát hiện và chỉ ra ý nghĩa của các tín hiệu nghệ thuật?  *-Tìm một số câu ca dao khác có cùng môtíp mở đầu “thân em như…”?*  *- Môtíp mở đầu chung đó có tác dụng gì?*  *- Người con gái trong bài ca dao than thở về điều gì? - Những biện pháp nghệ thuật nào thể hiện điều đó?*  *- Trong lời than, ta vẫn thấy nét đẹp của người con gái, đó là nét đẹp gì?*  *Qua bài ca dao, em cảm nhận gì về thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến?*  (Tích hợp kiến thức cũ) **Thảo luận nhóm:** *Chỉ ra biểu hiện lệ thuộc về thân phận của những người phụ nữ xưa qua các tác phẩm văn học mà em đã được học trong chương trình cấp 2?*  (*Truyện Kiều, Chuyện người con gái Nam Xương, Bánh trôi nước*)  *Tích hợp kiến thức thực tiễn:***Từ lời than của người con gái trong bài ca dao, em rút ra được bài học gì?** 🡪Mỗi người cần tự tin, có ý thức về giá trị của bản thân. Đồng thời, cần tránh thái độ than thân trách phận, phải biết vượt lên khi gặp nghịch cảnh để làm chủ cuộc đời.  Hs trình bày suy nghĩ, Gv nhận xét và chốt lại một số ý chính.  ***Tìm hiểu bài ca dao số 4***  Gv sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, phát vấn giúp Hs phát hiện và phân tích tín hiệu nghệ thuật để thấy tâm trạng của nhân vật trữ tình.  Giao nhiệm vụ cho Hs  **Nhóm 1:** *Xác định nhân vật trữ tình? Từ nào được lặp lại nhiều nhất trong bài? Diễn tả nỗi niềm, tâm trạng, tình cảm gì của nhân vật trữ tình?*  **Nhóm 2:** *Tìm hiểu về hình ảnh “khăn” trong bài ca dao (biện pháp nghệ thuật, ý nghĩa)*  **Nhóm 3:** *Tìm hiểu về hình ảnh “đèn” trong bài ca dao (biện pháp nghệ thuật, ý nghĩa)*  **Nhóm 4:** *Tìm hiểu về hình ảnh “đôi mắt” trong bài ca dao (biện pháp nghệ thuật, ý nghĩa)*  **Nhóm 5:** *Nhận xét sự khác biệt về thể thơ của 2 câu cuối so với những câu trước đó? Dụng ý nghệ thuật?*  Hs thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát.  Gv tổ chức cho Hs trình bày kết quả thảo luận.  Gv nhận xét và chốt lại những nội dung chính.  *Thương nhớ là tình cảm khó hình dung, nhất là trong tình yêu. Nhưng trong bài ca dao này, tình cảm đó được thể hiện sinh động, tinh tế và gợi cảm qua những nghệ thuật đặc sắc (sử dụng hình ảnh giàu tính biểu tượng, các biện pháp tu từ, thay đổi thể thơ..)*  *Nêu ngắn gọn nội dung bài ca dao số 4?*  ***Tìm hiểu bài ca dao số 6***  *Bài ca dao là lời của ai? Tác giả dân gian đã sử dụng những yếu tố nghệ thuật nào được sử dụng để biểu đạt nội dung trữ tình?*  **Thảo luận nhóm**  **Nhóm 1,2:** *Thể thơ song thất lục bát góp phần thể hiện nội dung trữ tình của bài ca dao như thế nào?*  **Nhóm 3,4:** *Vì sao khi nói đến tình nghĩa của con người, ca dao lại dùng hình ảnh muối mặn – gừng cay? Đọc một vài bài ca dao có hình ảnh đó?*  **Nhóm 5,6:** *Ý nghĩa của những từ chỉ thời gian trong bài ca dao?*  Hs thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát.  Gv tổ chức cho Hs trình bày kết quả thảo luận.  Gv nhận xét và chốt lại những nội dung chính.  Nêu nội dung bài ca dao số 6.  *Khát quát giá trị nội dung và nghệ thuật của chùm ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa?*  ***Hướng dẫn Hs tìm hiểu ca dao hài hước***  GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm các bài ca dao.*Gv nhận xét cách đọc.*   * **Bài ca dao thứ nhất**   *Bài ca dao được kết cấu theo hình thức nào?*  **Thảo luận nhóm:**  **Nhóm 1:** *Lễ vật dẫn cưới và thách cưới của chàng trai, cô gái là gì? Em có nhận xét gì về những lễ vật đó?*  **Nhóm 2:***Yếu tố nghệ thuật để tạo nên tiếng cười hài hước trong bài ca dao?*  **Nhóm 3,4*:*** *Cội nguồn làm nên lời dẫn cưới và thách cưới hài hước, dí dỏm là gì? Ý nghĩa của tiếng cười hài hước trong bài ca dao?*  *Hiểu biết của em về tục dẫn cưới và thách cưới ngày xưa?*  Nêu ngắn gọn nội dung của bài ca dao ?   * ***Bài ca dao thứ hai***   Nhận xét về hình thức mở đầu bài ca dao số 2 ?  Tìm một số bài ca dao có cùng môtíp mở đầu như bài số 2 ?  VD*: Làm trai cho đáng nên trai /Xuống Đông, Đông tĩnh; lên Đoài, Đoài yên*  *Làm trai cho đáng nên trai /Vót đũa cho dài ăn vụng cơm con*  *Làm trai cho đáng nên trai/ Ăn cơm với vợ còn nài vét niêu*  Bài ca dao chế giễu đối tượng nào trong xã hội ?  Tiếng cười châm biếm được tạo nên nhờ yếu tố nghệ thuật nào?  Ý nghĩa của tiếng cười?  Nêu những đặc sắc nghệ thuật của hai bài ca dao trên ?  Qua hai bài ca dao trên, em cảm nhận gì về tâm hồn của người bình dân xưa.  **Hoạt động 3:Vận dung**  *1.Từ bài ca dao số 6, tìm thêm những hình ảnh biểu tượng cho tình nghĩa trong ca dao. Từ đó, hãy tìm hiểu quan niệm của người bình dân xưa về mối quan hệ giữa tình và nghĩa.*  2.*Từ hình ảnh của người phụ nữ xưa trong bài ca dao, em có suy nghĩ gì về hình ảnh của người phụ nữ trong xã hội ngày nay?*  *3. Chỉ ra chất liệu dân gian và hiệu quả nghệ thuật trong đoạn thơ sau:*  *Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn*  *Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc*  *Tóc mẹ thì bới sau đầu*  *Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn*  *Cái kèo, cái cột thành tên*  *Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng*  *Đất Nước có từ ngày đó…*  *Đất là nơi anh đến trường*  *Nước là nơi em tắm*  *Đất Nước là nơi ta hò hẹn*  *Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm*  (Nguyễn Khoa Điềm, *Mặt đường khát vọng*)  *4.Từ bài ca dao Khăn thương nhớ ai, anh/chị nghĩ gì về cách thể hiện tình yêu của người trẻ hiện nay?* | Hình 1: Hát đồng dao  Hình 2: Hát ru  Hình 3: Hát phường vải  Hình 4: Hát dân ca quan họ Bắc Ninh  **I. Giới thiệu chung về ca dao**  **1) Khái niệm :**  **-** Ca dao là lời thơ trữ tình dân gian, thường kết hợp với âm nhạc khi diễn xướng, được sáng tác nhằm diễn tả thế giới nội tâm của con người.  - Dân ca là những sáng tác kết hợp lời và nhạc. Ca dao là lời thơ của dân ca.  **2) Phân loại**  - Ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa  - Ca dao hài hước  **3) Nội dung và nghệ thuật**  **-** Nội dung: Diễn tả đời sống tâm hồn, tư tưởng, tình cảm của nhân dân trong quan hệ gia đình, xã hội, đất nước…  - Nghệ thuật  + Phần lớn được sáng tác bằng thể thơ lục bát, song thất lục bát hoặc lục bát biến thể.  + Ngôn ngữ giản dị, gần gũi với lời ăn tiếng nói hằng ngày.  + Giàu hình ảnh so sánh, ẩn dụ, nhân hóa,…  + Có lối diễn đạt bằng một số công thức mang đậm sắc thái DG (môtíp nghệ thuật)  **II.Đọc – hiểu**  **1.Ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa**  **a.Bài 1:** Lời than của người con gái  **-** Mô típ mở đầu : “Thân em như”  -> âm điệu xót xa ngậm ngùi  - Thân phận của người con gái  + Hình ảnh so sánh: “tấm lụa đào”: mềm mại, thướt tha, quý phái, tươi tắn.  ->ý thức về giá trị, nét thanh xuân, sắc đẹp.  **+**Hình ảnh ẩn dụ:“chợ”🡪 xô bồ, phứctạp.  **+** Từ láy “phất phơ” + câu hỏi “Biết vào tay ai”: chới với, xót xa, lo lắng, nỗi đau về thân phận  **🡪** Số phận chông chênh, bấp bênh, phụ thuộc,không thể quyết định tương lai, hạnh phúc của mình  🡪Sự đối lập giữa giá trị, vẻ đẹp, thân phận  **Tiểu kết**: *Bài ca dao là lời than của cô gái có thân phận bị lệ thuộc, đồng thời còn là nỗi đau xót nhất khi người con gái bước vào độ tuổi đẹp nhất, hạnh phúc nhất của đời mình thì nỗi lo về thân phận lại ập đến.*  **b. Bài 4:**  - Nỗi nhớ nhung da diết, bồn chồn của cô gái đang yêu  + Hình ảnh chiếc *“khăn”*:  ▪ Là vật trao duyên, vật kỉ niệm gợi nhớ *người đàng xa*  ▪ Điệp từ *“khăn”* (6 lần) ở vị trí đầu câu thơ và điệp ngữ*“khăn thương nhớ ai”* (3 lần) → nỗi nhớ triền miên, khắc khoải  ▪ Những trạng thái khác nhau của khăn: *thương nhớ, rơi xuống đất, vắt lên vai, chùi nước mắt* → nỗi nhớ như trải ra ko gian nhiều chiều và tâm trạng rối bời, ngổn ngang trăm mối của cô gái.  + Hình ảnh đèn:  ▪ Nỗi nhớ được đo theo thời gian, nhớ từ ngày sang đêm.  ▪ *Đèn không tắt* (ẩn dụ): tình mãnh liệt, không bao giờ lụi tàn.  + Hình ảnh đôi mắt: (hoán dụ)  *“Mắt ngủ ko yên”:* sự trằn trọc, thao thức → nỗi nhớ như xâm nhập cả tiềm thức lẫn trong vô thức của cô gái.  🠦 Bộc lộ trực tiếp tình cảm và diễn tả được chiều sâu của nỗi nhớ  - Nỗi lo âu mênh mông cho hạnh phúc lứa đôi  + Chuyển từ thể thơ 4 chữ sang thể lục bát → sự dàn trải của tâm trạng lo lắng, phiền muộn  + Nỗi lo của cô gái: tình yêu lứa đôi dù tha thiết, sâu nặng nhưng lại ko được đơm hoa kết trái.  => Sự khát khao hạnh phúc chính đáng của người con gái  **Tiểu kết**: *Bài ca dao thể hiện nỗi nhớ thương bồn chồn, da diết xen lẫn những lo âu của một trái tim chân thành, cháy bỏng yêu thương.*  **c.Bài 6:** Tình nghĩa vợ chồng  - Hình ảnh biểu tượng: *muối mặn – gừng cay*  + Diễn tả những trải nghiệm cay đắng, mặn mà của tình người trong cuộc sống.  + Biểu trưng cho tình nghĩa thủy chung  - Lối nói trùng điệp, nhấn mạnh, tiếp nối: muối, gừng được láy lại 2 lần, trên 3 năm, dưới 9 tháng, còn mặn, còn cay → khẳng định lòng sắt son.  - Câu bát được kéo dài thành 13 tiếng, cùng với định lượng thời gian “ba vạn sáu ngàn ngày” → ko bao giờ xa cách, chỉ có cái chết mới chia lìa  **Tiểu kết**: *Bài ca dao thể hiện sự gắn bó thủy chung, son sắc, bền vững của tình cảm vợ chồng.*  **d.Tổng kết**  **\*Nội dung**  -Đời sống tâm hồn phong phú với nhiều cung bậc tình cảm, cảm xúc: chua xót, đắng cay, lo lắng…  - Vẻ đẹp tâm hồn của người lao động xưa: giàu yêu thương, khát khao hạnh phúc, thủy chung  **\* Nghệ thuật**  - Sự lặp lại các mô thức mở đầu (mô típ nghệ thuật)  - Các hình ảnh biểu tượng: chiếc cầu, cái khăn, ngọn đèn, gừng cay – muối mặn…  - Các biện pháp tu từ: điệp từ, điệp ngữ, nhân hóa, ẩn dụ, so sánh, hoán dụ, láy…  - Thể thơ: lục bát, song thất lục bát, thể 4 chữ, thể hỗn hợp.  **2.Ca dao hài hước**  **a.Bài 1:**  **a. Tiếng cười tự trào:**  - Kết cấu theo lối đối đáp nam – nữ  - Lời dẫn cưới của chàng trai:  + Cách nói khoa trương, phóng đại: dẫn voi - dẫn trâu - dẫn bò => lễ vật cao sang, linh đình.  + Cách nói đối lập:  dẫn voi >< sợ quốc cấm  dẫn trâu >< sợ họ máu hàn  dẫn bò >< sợ họ nhà nàng co gân  + Cách nói giảm dần: voi → trâu → bò → chuột  => Chàng trai là người khéo léo, cẩn thận, biết quan tâm  => Gia cảnh thực của chàng trai: rất nghèo  - Lời thách cưới của cô gái:  + Đánh giá về lễ vật dẫn cưới: “lấy làm sang” => sự ý nhị, duyên dáng, thấu hiểu của cô gái  + Cách nói đối lập  Người ta >< Nhà em  thách lợn, thách gà thách cưới một nhà khoai lang  => Lời thách cưới thật vô tư mà lạc quan, yêu đời.  + Sử dụng lễ vật thách cưới:  Củ to → mời làng  Củ nhỏ → họ hàng ăn chơi  Củ mẻ → con trẻ ăn chơi giữ nhà  Củ rím, củ hà → lợn, gà ăn  => Tấm lòng thơm thảo của cô gái đối với mọi người.  + Cách nói giảm dần: Củ to → củ nhỏ → củ mẻ → củ rím, củ hà  ->Tinh thần lạc quan, yêu đời của người bình dân xưa  ->Triết lí nhân sinh cao đẹp : đặt tình nghĩa lên trên của cải.  **\* Tiểu kết:** Bài ca dao là tiếng cười tự trào về cảnh nghèo túng, qua đó thể hiện tinh thần lạc quan, yêu đời, vượt lên cuộc sống khốn khó của người bình dân.  **b.Bài 2**  - Mở đầu bằng mô típ quen thuộc*: “làm trai..”* nhưng mang ý nghĩa trào phúng.  - Chế giễu loại đàn ông yếu đuối, không đáng sức trai, không đáng mặt làm trai.  - Hình ảnh phóng đại + thủ pháp đối lập  Khom lưng chống gối >< Gánh hai hạt vừng    Tư thế ra sức cố gắng Công việc quá nhỏ bé  **-** Thái độ của tác giả dân gian : nhẹ nhàng, thân tình, mang tính giáo dục cao.  -Tiếng cười nhắc nhở nhau trong nội bộ nhân dân: thông minh, hóm hỉnh.  **d.Tổng kết**  *- Nghệ thuật*  +Hư cấu, dựng cảnh dựng tình, khắc họa nhân vật bằng những nét điển hình  +Cường điệu, phóng đại, tương phản  +Dùng ngôn từ đời thường mà đầy hàm ý.  **-** *Ý nghĩa văn bản*  Tâm hồn lạc quan yêu đời và triết lí nhân sinh lành mạnh của người lao động Việt Nam trong ca dao.  **3.Vận dụng**  **1.** -Hình ảnh: con thuyền (đò), bến cũ, cây đa, quán…  - Nghĩa và tình thường đi đôi với nhau trong quan hệ tình cảm của người bình dân. Nghĩa được xem là nền tảng của tình người. Quan hệ tình cảm (tình) phải đi đôi với quan hệ đạo lí (nghĩa).Người bình dân thời xưa đã dựa vào đó để bảo vệ sự thủy chung trong quan hệ tình cảm.  2. -Phát huy được những nét đẹp của phụ nữ xưa (ý thức về giá trị của bản thân)  - Tự làm chủ được cuộc đời mình.  - Vai trò và vị thế ngày càng được nâng cao.  Câu 1: *Sự tích trầu cau*  Câu 2: *Thánh Gióng*  Câu 3: *Tóc ngang lưng vừa chừng em bới*  *Để chi dài bối rối dạ anh*  Câu 4:  *Muối ba năm muối đang còn mặn*  *Gừng chín tháng gừng hãy còn cay*  Câu 5  *Tôi thương cái cột*  *Tôi nhớ cái kèo*  *Tôi nhớ cái cửa*  *Nơi bạn nghèo gặp nhau*  Câu 11:  *Khăn thương nhớ ai*  *Khăn rơi xuống đất* |

**4.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

a.Tìm những bài ca dao hài hước phê phán thói lười nhác, nghiện ngập, rượu chè; tệ nạn tảo hôn, đa thê; phê phán thầy bói, thầy cúng trong xã hội cũ… xây dựng thành tiểu phẩm và diễn xướng.

b. Tìm 5 bài ca dao có mô típ “thân em” và phân biệt sắc thái ý nghĩa của chúng.